

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2021/DS-PT
Ngày 04-3-2021
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

<i>Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:</i>	Bà Nguyễn Thị Duyên Hằng
<i>Các Thẩm phán:</i>	Bà Đinh Thị Mộng Tuyết Ông Nguyễn Trung Dũng

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Hoàng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:
Bà Đặng Hà Nhung – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 01 và 04 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 433/2020/TLPT-DS ngày 14/12/2020 về việc “tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 64/2020/DSST ngày 03/9/2020 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 388/2020/QĐPT-DS ngày 29 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị G, sinh năm 1967; địa chỉ: 24/5, khu phố B, phường B, thành phố T1, tỉnh Bình Dương.

- *Bị đơn:* Bà Phạm Thị T, sinh năm 1958; địa chỉ: 273/18, P, tổ 9, khu 8, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Võ Quang B – Luật sư của Văn phòng Luật sư T thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh: địa chỉ liên lạc: 154/4, đường 627, tổ 5, ấp T, xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn bà Phạm Thị T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 08/5/2020, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị G trình bày:

Bà G có quen biết với bà Phạm Thị T, ngày 17/12/2019, bà G cho bà T mượn số tiền 350.000.000 đồng, khi đó bà T thế chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt GCNQSDĐ) cho bà G để đảm bảo, đến ngày 30/12/2019, bà T mượn tiếp số tiền 397.000.000 đồng, tổng cộng là 747.000.000 đồng, thời gian mượn trong vòng 01 tháng sẽ trả. Quá thời gian trên, bà G yêu cầu bà T trả mà bà T không trả, nay bà G khởi kiện yêu cầu bà T trả lại số tiền 747.000.000 đồng, bà sẽ trả lại GCNQSDĐ cho bà T.

Bị đơn bà Phạm Thị T trình bày:

Giấy vay mượn tiền ngày 17/12/2019 là do bà G viết, bà T không nhận số tiền 350.000.000 đồng một lần, bà T có mượn tiền của bà G số tiền mỗi lần 5.000.000 đồng, có lần mượn 7.000.000 đồng, có lần mượn 10.000.000 đồng, thời gian bà T mượn đầu tiên thì bà không nhớ, bà chỉ nhớ khoảng tháng 6 – 7 năm 2019, lúc này bà T đã thế chấp GCNQSDĐ cho bà G. Bà T có mượn tiền của bà G nhiều lần, mỗi lần mượn bà G yêu cầu bà T ký vào giấy vay tiền, cho đến khi bà G viết giấy tổng cộng lại một lần số tiền 350.000.000 đồng, số tiền này là tổng cộng tiền vốn gốc và lãi. Bà T có ký tên nhưng không đọc giấy này.

Đối với giấy vay tiền ngày 30/12/2019 là do bà G viết, bà T không có nhận tiền, giấy này là tiền lãi từ số tiền 350.000.000 đồng, bà G tính lên là 397.000.000 đồng (tăng 47.000.000 đồng). Bà T không có chứng cứ gì chứng minh cho lời trình bày của mình. Trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà T chỉ đồng ý trả số tiền 400.000.000 đồng.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 64/2020/DSST ngày 03/9/2020 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương đã quyết định:

Căn cứ các Điều 429, 463, 466, 469 Bộ luật Dân sự; Điều 8, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 91, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 148, khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị G đối với bị đơn bà Phạm Thị T về việc tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản.

Bị đơn bà Phạm Thị T có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị G số tiền tổng cộng 747.000.000 đồng (bảy trăm bốn mươi bảy triệu đồng).

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị G có trách nhiệm trả lại GCNQSDĐ số BU926561, sổ vào sổ CH06573 do UBND thành phố T cấp ngày 01/10/2014 cho bà Phạm Thị T.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về tiền lãi suất chậm trả, án phí, trách nhiệm chậm thi hành án và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Sau khi có bản án sơ thẩm, ngày 15/9/2020, bị đơn bà Phạm Thị T có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Xét về đạo đức nếu nguyên đơn có thắng vụ kiện này thì số tiền có được cũng không minh bạch, bà G sẽ mất đi tình cảm, đạo đức, tính người. Về điều kiện giao dịch có điều kiện: Giao dịch ở nhà bà G, bà T không biết đọc, biết viết nhưng khi ký tên không có người làm chứng nên bà T bị bà G lừa dối. Do đó, hợp đồng vô hiệu do bị lừa dối, bà G đã cộng gốc với lãi thành số tiền vay. Đề nghị chấp nhận kháng cáo của bà T.

Ý kiến của Đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

Về nội dung: Bị đơn kháng cáo cho rằng khi vay bị lừa dối, tuy nhiên trong quá trình giải quyết ở cấp sơ thẩm không cung cấp được chứng cứ chứng minh, đồng thời, bị đơn cho rằng không biết chữ nhưng khi làm đơn kháng cáo, giấy ủy quyền bị đơn tự mình ký tên không có người làm chứng nên không có căn cứ cho rằng bị đơn không biết chữ. Đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày, tranh tụng của các đương sự tại phiên tòa, ý kiến của Luật sư, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Ngày 04/01/2021, bị đơn cung cấp văn bản ủy quyền ngày 10/9/2020 có nội dung bà T ủy quyền cho ông Võ Quang B tham gia tố tụng đối với vụ án. Đến ngày 18/01/2021, bà T có yêu cầu ông Võ Quang B là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn và được Tòa án xác nhận vào sổ đăng ký. Ngày 03/02/2021, bà T có đơn rút ủy quyền đối với ông B. Do đó, ông B tham gia tố tụng với tư cách là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn.

[2] Về nội dung:

Bà Nguyễn Thị G khởi kiện yêu cầu bà T trả số tiền 747.000.000 đồng theo 02 giấy mượn tiền ngày 17/12/2019, 30/12/2019.

Bà Phạm Thị T kháng cáo cho rằng bà T chỉ vay của bà G 5.000.000 đồng vào tháng 12/2018, 7.000.000 đồng vào tháng 02/2019. Đến ngày 17/12/2019, bà G cộng tiền gốc và lãi của số tiền 5.000.000 đồng và 7.000.000 đồng thành số tiền 350.000.000 đồng, do bà T không biết đọc chữ nên ký vào giấy mượn tiền ngày 17/12/2019. Đến ngày 30/12/2019, bà G bắt bà T ký giấy mượn tiền với số

tiền 397.000.000 đồng (gồm 350.000.000 đồng tiền vay theo giấy mượn tiền ngày 17/12/2019 và 47.000.000 đồng tiền lãi). Thực tế bà T không nhận số tiền trên.

Xét kháng cáo của bà T thấy rằng:

Bà T thừa nhận chữ ký trên 02 giấy mượn tiền ngày 17/12/2019, 30/12/2019 là của bà T ký tên, sự thừa nhận của bà T là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bà T cho rằng 02 giấy mượn tiền ngày 17/12/2019, ngày 30/12/2019 là cộng tiền gốc và tiền lãi của số tiền 5.000.000 đồng vào tháng 12/2018 và số tiền 7.000.000 đồng vào tháng 02/2019, nhưng không biết có bao nhiêu nợ gốc và tiền lãi trong hai giấy nợ, không cung cấp được giấy vay đối với 02 khoản tiền này và các chứng cứ khác chứng minh cho lời trình bày của mình; đồng thời, bà T cho rằng bà T không biết chữ nên mới ký vào 02 giấy vay này nhưng tại biên bản phiên tòa ngày 03/9/2020, bà T thừa nhận bà T biết đọc số và khi ký vào 02 giấy mượn tiền này thì bà G có đọc cho bà T nghe. Bà T cũng không có chứng cứ chứng minh bà G ép bà T ký vào 02 giấy mượn tiền nêu trên. Do đó, kháng cáo của bà T là không có cơ sở chấp nhận.

Tại Tòa án cấp phúc thẩm, nguyên đơn bà Nguyễn Thị G có đơn yêu cầu tính lãi đối với khoản tiền 747.000.000 đồng kể từ ngày 30/12/2019 cho đến khi Tòa án xét xử phúc thẩm với lãi suất 01%/tháng. Xét thấy, tại đơn khởi kiện, bà G xác định không yêu cầu tính lãi, đồng thời, sau khi tuyên án, bà G cũng không có kháng cáo. Do vậy, yêu cầu tính lãi nêu trên của bà G là không có cơ sở xem xét giải quyết.

Từ những phân tích trên, kháng cáo của bị đơn bà T là không có căn cứ chấp nhận.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát là phù hợp.

Án phí dân sự phúc thẩm: Người kháng cáo phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 148; khoản 1 Điều 308 và Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Không chấp nhận kháng cáo của bà Phạm Thị T.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 64/2020/DSST ngày 03/9/2020 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương.

2. Về án phí phúc thẩm: Bà Phạm Thị T phải chịu số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp

theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0050359 ngày 16/9/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS thành phố T;
- TAND thành phố T;
- Các đương sự;
- Tổ HCTP;
- Lưu: Hồ sơ, Tòa Dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Duyên Hằng